Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8602.90.00

Mã HS	8602.90.00
Mô tả hàng hóa	Đầu máy di chuyển trên đường ray khác; toa tiếp liệu đầu máy / - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	07/11/2026 22:44:19
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/86029000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K16226
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N16226
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q16226
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15536
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15465
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15465
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15465
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15465
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15465
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15465
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15521
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15521
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15521

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15521
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15521
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15521
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15522
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15522
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15522
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15522
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15522
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15522
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15523
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15471
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15479
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15479
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15479
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15479
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15479
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15479
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15519
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15519
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15519
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15519
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15519
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15519
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15581
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15581
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15581

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15581
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15581
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15581
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D15555
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E15555
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F15555
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G15555
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H15555
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I15555
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15558
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15558
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15558
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15558
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15558
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15558
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15564
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15564
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15564
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15564
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15564
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15564
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15563
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15563
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15563
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15563
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15563

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15563
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15552
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15552
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15552
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15552
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15552
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15552
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15552
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15546
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15546
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15546
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15546
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15546
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15546
RCEP B	2022	2022	0	B!D15546
RCEP B	2023	2023	0	B!E15546
RCEP B	2024	2024	0	B!F15546
RCEP B	2025	2025	0	B!G15546
RCEP B	2026	2026	0	B!H15546
RCEP B	2027	2027	0	B!I15546
RCEP C	2022	2022	0	C!D15546
RCEP C	2023	2023	0	C!E15546
RCEP C	2024	2024	0	C!F15546
RCEP C	2025	2025	0	C!G15546
RCEP C	2026	2026	0	C!H15546
RCEP C	2027	2027	0	C!I15546

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D15545
RCEP D	2023	2023	0	D!E15545
RCEP D	2024	2024	0	D!F15545
RCEP D	2025	2025	0	D!G15545
RCEP D	2026	2026	0	D!H15545
RCEP D	2027	2027	0	D!I15545
RCEP E	2022	2022	0	E!D15549
RCEP E	2023	2023	0	E!E15549
RCEP E	2024	2024	0	E!F15549
RCEP E	2025	2025	0	E!G15549
RCEP E	2026	2026	0	E!H15549
RCEP E	2027	2027	0	E!I15549
RCEP F	2022	2022	0	F!D15546
RCEP F	2023	2023	0	F!E15546
RCEP F	2024	2024	0	F!F15546
RCEP F	2025	2025	0	F!G15546
RCEP F	2026	2026	0	F!H15546
RCEP F	2027	2027	0	F!I15546
VIFTA	2024	2024	0	VI!F14504
VIFTA	2025	2025	0	VI!G14504
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14504
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14504

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT trước TQ (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)		12/2022/TT-BGTVT, 62/2024/TT-BGTVT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	HHNK phải chứng nhận trước khi thông quan (12/2022/TT-BGTVT PL1)		12/2022/TT-BGTVT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8602.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8602.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N16226), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HHNK phải chứng nhận trước khi thông quan (12/2022/TT-BGTVT PL1)
Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT trước TQ (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.